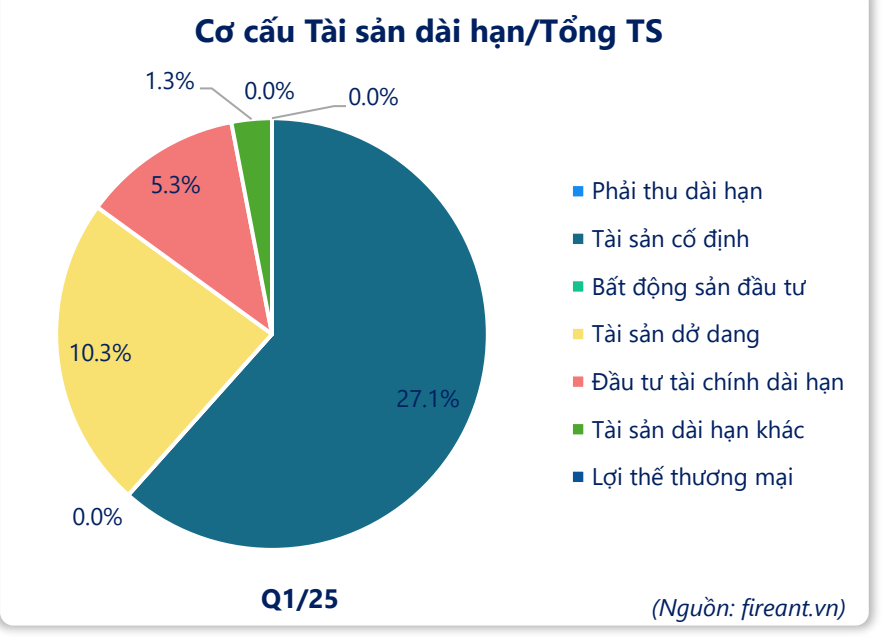
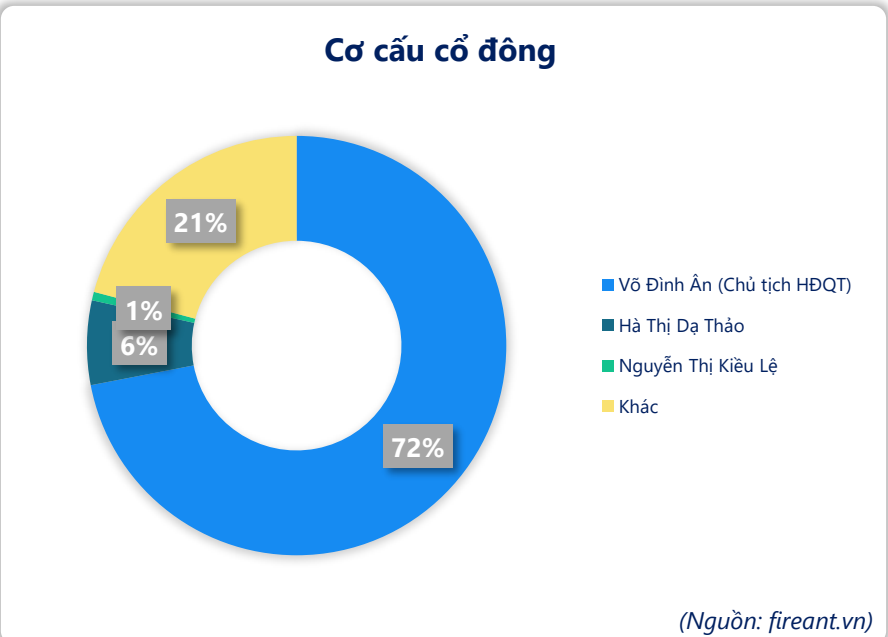
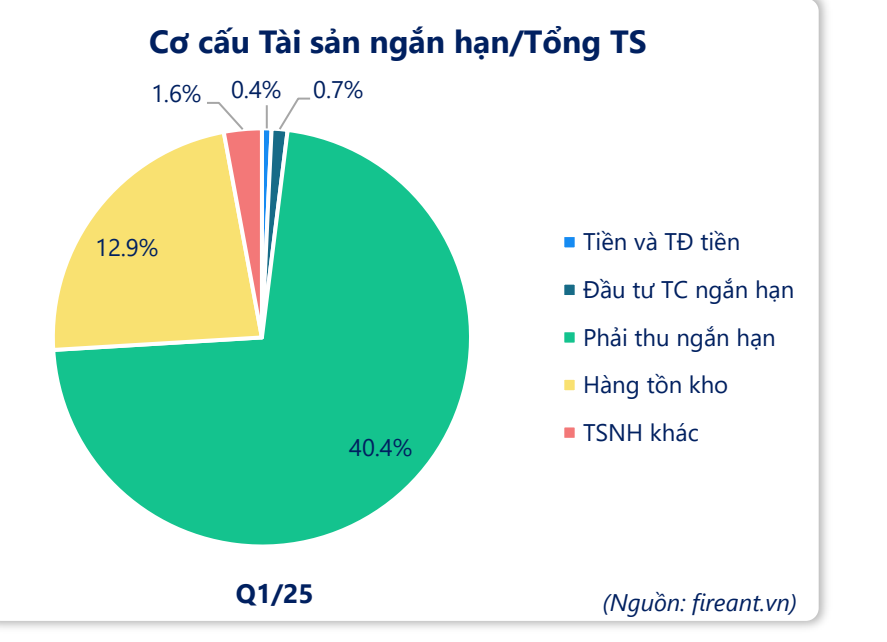
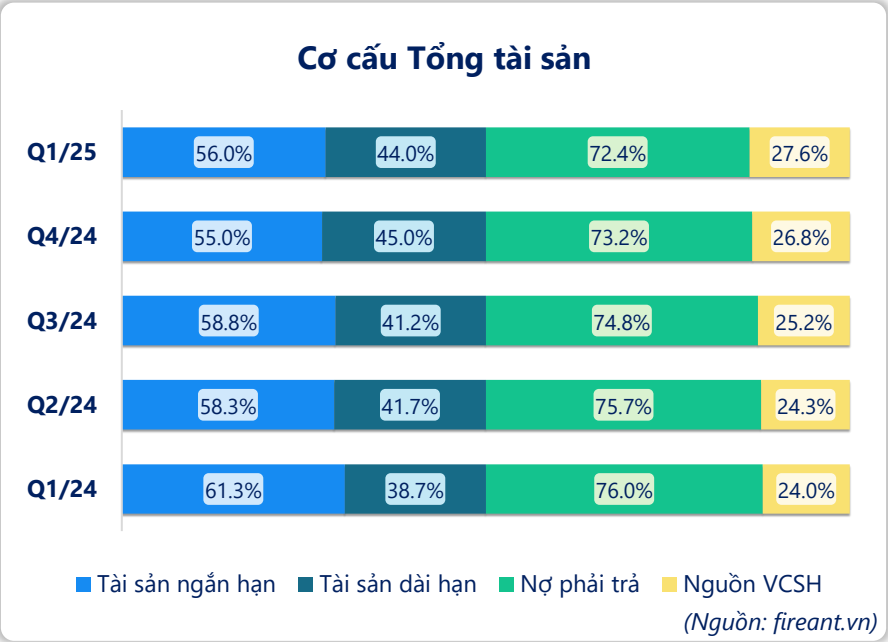
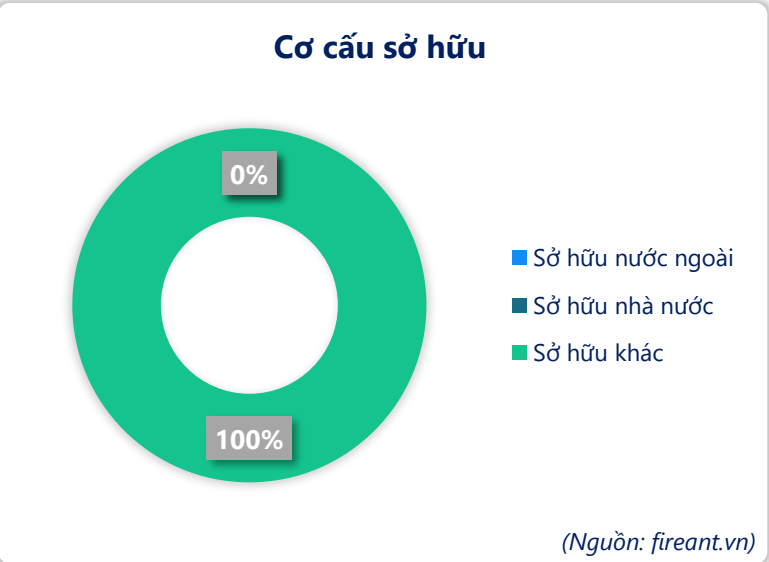
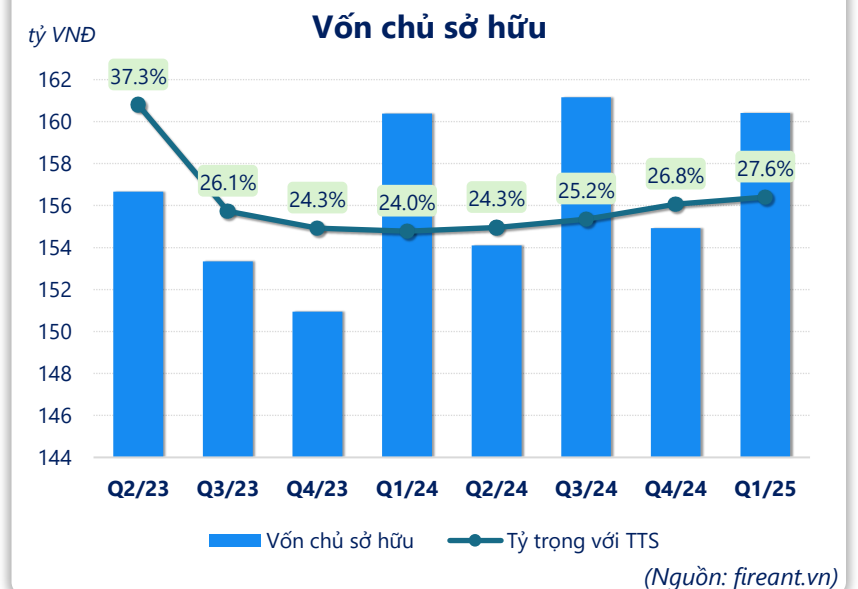
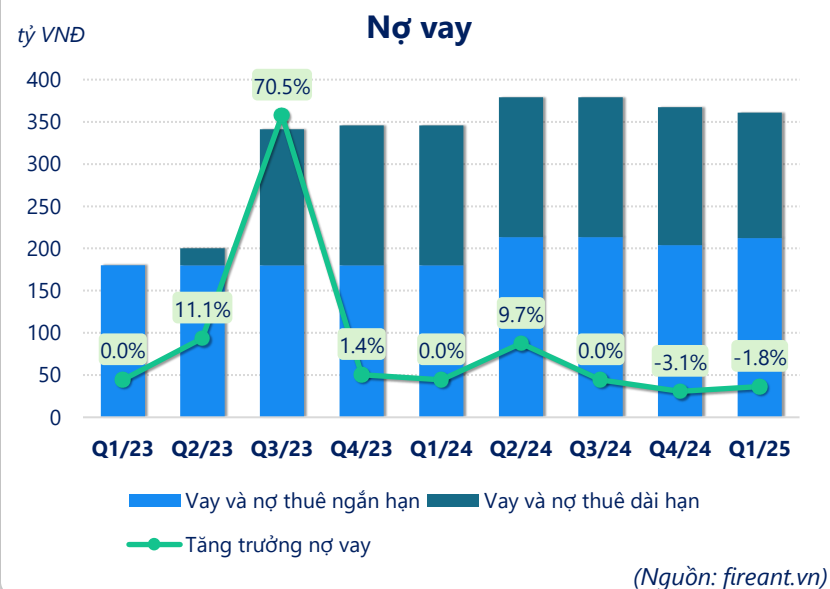
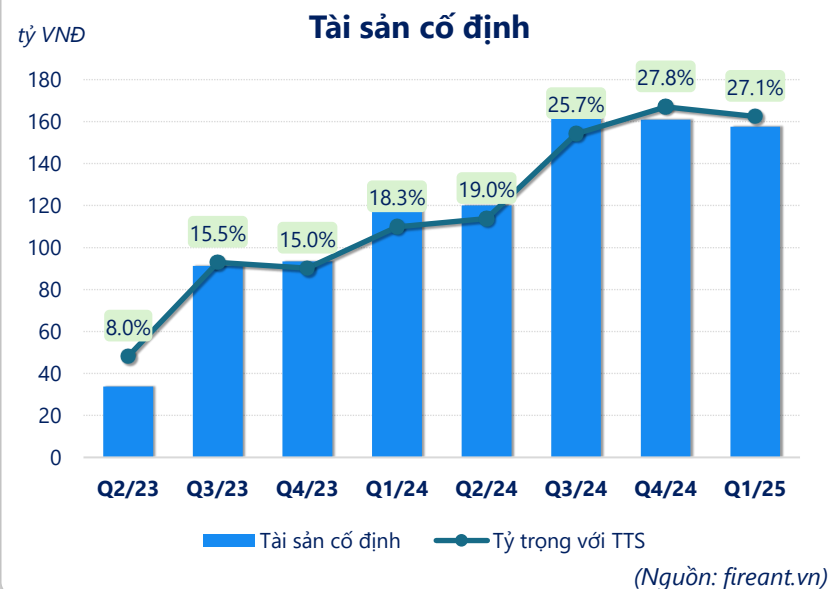
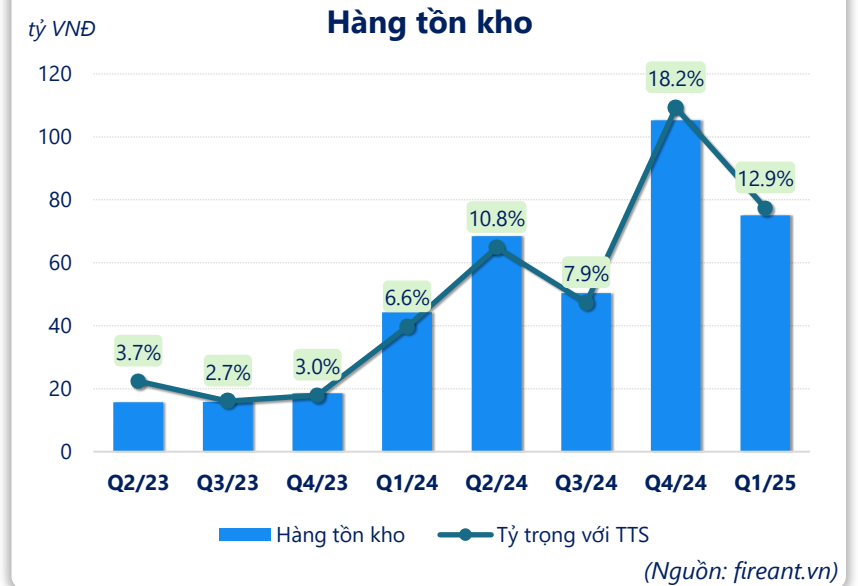
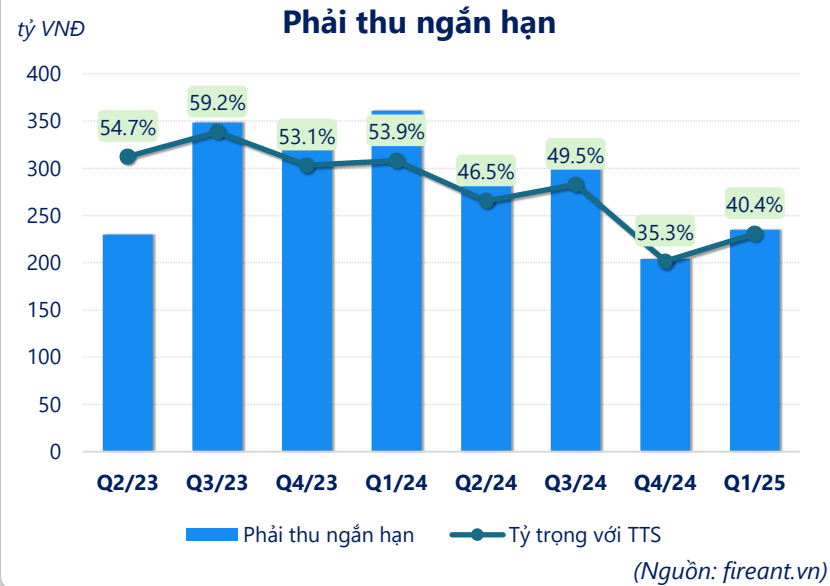
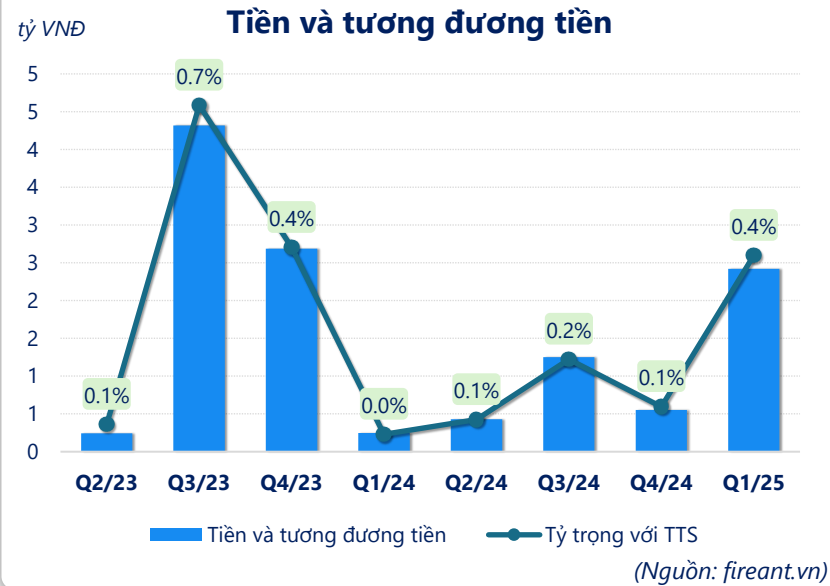
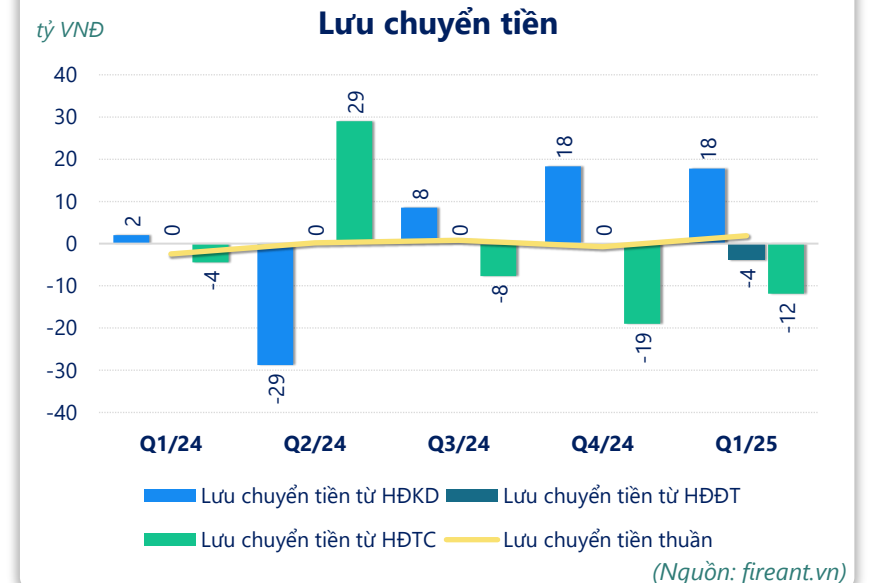
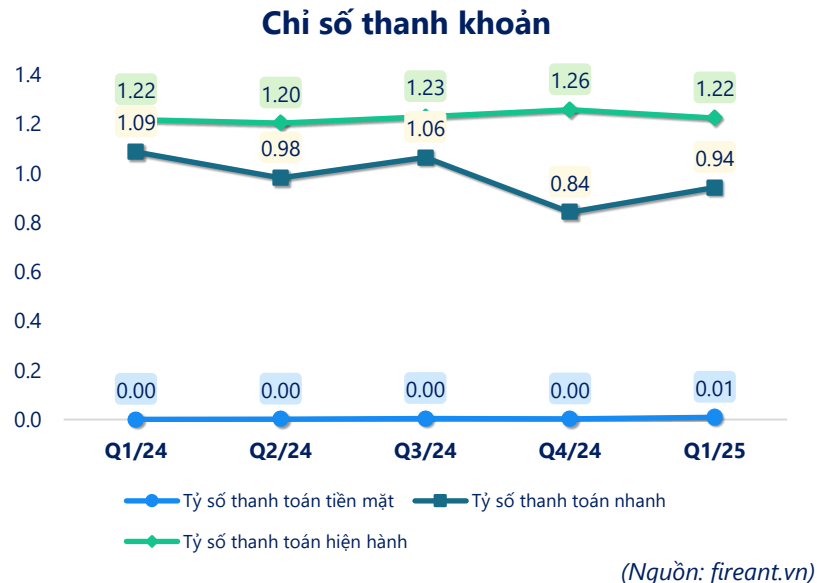
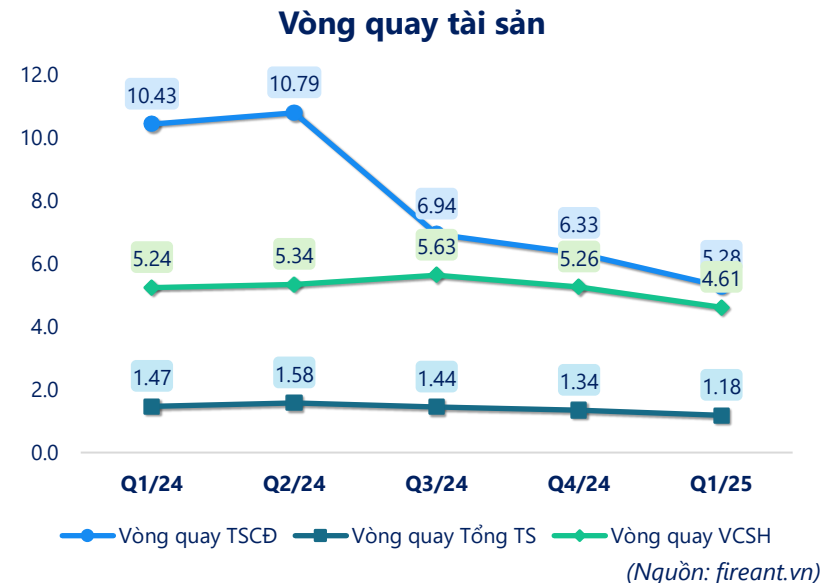
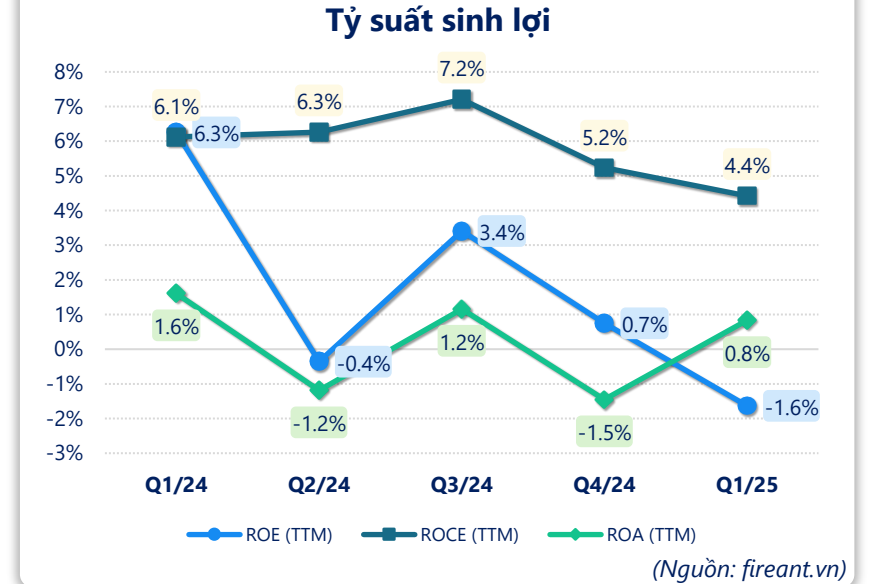
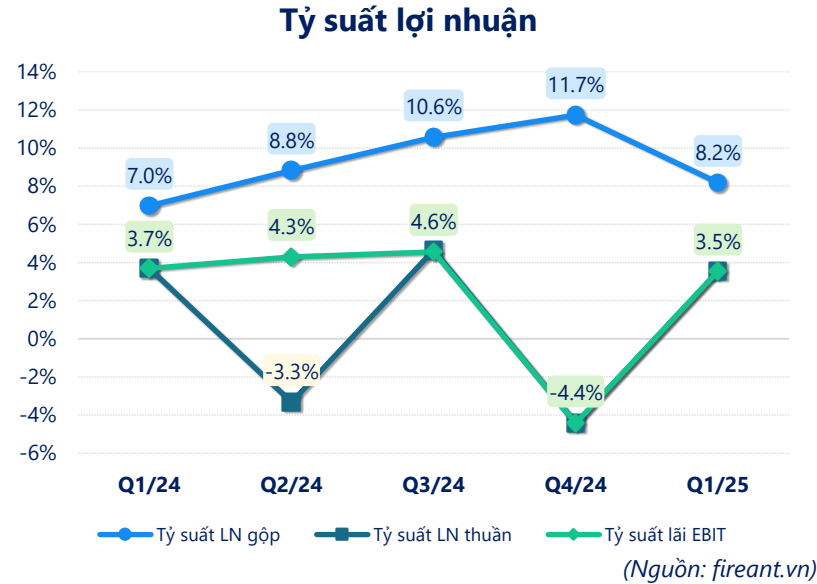
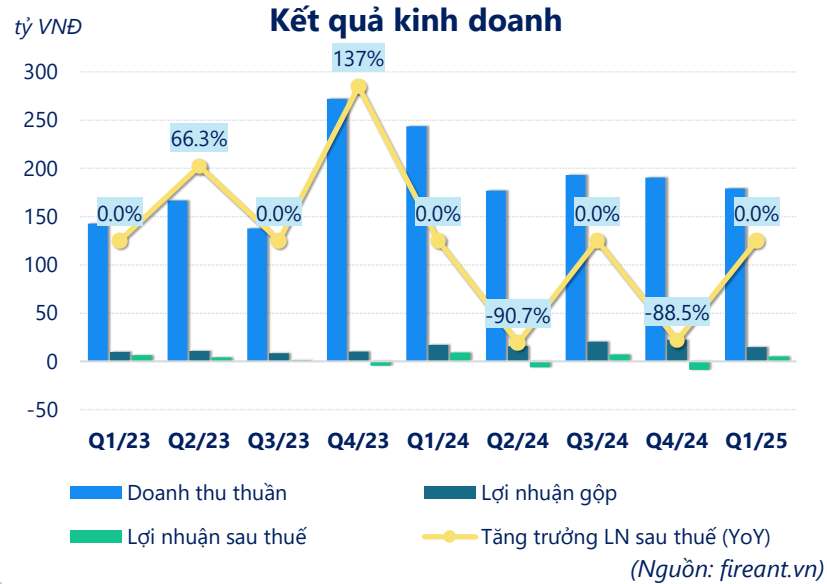


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
SL cổ phiếu LH		12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,675
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		79
P/E		-30.1
EPS		-210

	YTD	1T	3T	6T
DMN	16.7%	21.2%	12.5%	31.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	582	578	0.7%
Tài sản ngắn hạn	326	318	2.5%
Tiền và tương đương tiền	2.42	0.55	339%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	0	
Phải thu ngắn hạn	235	204	15.1%
Hàng tồn kho	75.1	105	-28.6%
Tài sản ngắn hạn khác	9.55	8.23	16.0%
Tài sản dài hạn	256	260	-1.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	158	161	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	59.9	59.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.6	30.4	0.6%
Tài sản dài hạn khác	7.73	8.61	-10.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	422	423	-0.3%
Nợ ngắn hạn	266	253	5.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	212	204	4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.3	19.3	26.1%
Nợ dài hạn	155	170	-8.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	149	164	-9.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	160	155	3.4%
Vốn chủ sở hữu	160	155	3.4%
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	244	177	193	190	179
Giá vốn hàng bán	227	161	173	168	165
Lợi nhuận gộp	17.0	15.6	20.4	22.3	14.7
Doanh thu HĐTC	0.93	1.40	0.54	1.36	0.11
Chi phí TC	6.34	7.35	6.86	7.55	5.82
Chi phí lãi vay	0	13.6	0	0	0
LN trong công ty LKLD	1.05	0.19	0.21	-0.33	0.19
Chi phí bán hàng	2.69	4.55	4.34	5.38	1.95
Chi phí QLDN	0.96	11.2	0.99	18.9	0.85
LN thuần từ HĐKD	9.00	-5.87	8.99	-8.45	6.35
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.16	-0.18	0.02	-0.01
LN trước thuế	8.99	-6.02	8.81	-8.42	6.34
Lợi nhuận sau thuế	8.99	-6.27	7.13	-8.70	5.22
LNST của CĐ cty mẹ	8.99	-6.27	7.13	-8.70	5.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.03	-28.8	8.49	18.3	17.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-4.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.47	29.0	-7.67	-19.0	-11.9
Tiền đầu kỳ	2.69	0.25	0.43	1.25	0.55
Lưu chuyển tiền thuần	-2.44	0.18	0.82	-0.70	1.87
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.25	0.43	1.25	0.55	2.42

(Nguồn: fireant.vn)